



# CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: 0101074336

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

Mã của cơ quan thuế: 00482523033BA8480BBB11E7BEBE19177D

Ký hiệu: 1C23TMD

Số: 100

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TUYÊN QUANG

Địa chỉ: Số 429 đường Trường Chinh - Phường Ý La - Thành Phố Tuyên Quang - Tuyên Quang.

Số tài khoản: 9527.2.1010286 Tại: Kho bạc nhà nước tỉnh Tuyên Quang

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 5000227634

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thanh toán hợp đồng số 46/2023/HĐTV, ký ngày 02/06/2023 (gói thầu số 01) về việc: Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, thuộc dự án "Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang".	Gói thầu	1	2.565.432.710	2.565.432.710
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					2.565.432.710
Thuế suất GTGT: 8%		Tiền thuế GTGT:		205.234.617	
Tổng tiền thanh toán:					2.770.667.327

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm bảy mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 28/12/2023 13:38:12

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.mininvoice.vn/> Mã tra cứu: BF84C7AE39CDC435

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dự đk 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

46/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tuyên Quang, ngày 02 tháng 6 năm 2023*

**HỢP ĐỒNG**

Số: 46/2023/HĐTV

**Gói thầu số 01: Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm  
thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”**  
**Dự án: “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”**

GIỮA

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TUYÊN QUANG**

VÀ

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG  
NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

**Tuyên Quang, năm 2023**



**PHẦN 1**  
**CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

*Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-STNMT ngày 25/5/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu số 01: Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Biên Bản bàn thương thảo hợp đồng về việc thực hiện gói thầu số 01: Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang với Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất ngày 30/5/2023;*

*Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-STNMT ngày 01/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*



## PHẦN 2

### CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**1. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A): Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**

- Đại diện: Ông Phạm Mạnh Duyệt Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 429 Đường Trường Chinh, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Điện thoại: 02073.980.516, Fax: 0207.3822138.
- Mã số thuế: 5000227634.
- Tài khoản: 9527.2.1010286 tại Kho Bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

**2. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B): Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất.**

- Ông Trần Đình Kiên Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- VPGD: Nhà A, Trường ĐH Mỏ - Địa Chất, số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243 755 0428
- Số tài khoản: 111000037499, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long, Hà Nội.
- Mã số thuế: 0101074336

### HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT

#### HỢP ĐỒNG TƯ VẤN VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”.

**Điều 2. Hồ sơ hợp đồng:**

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. Biên bản hoàn thiện (thương thảo) hợp đồng;



4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
6. E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn;
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;
8. Các tài liệu có liên quan.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Nhà thầu**

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư**

1. Phối hợp cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ liên hệ địa phương; hỗ trợ cung cấp tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều thuận lợi cho nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình;
2. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng;
3. Chủ đầu tư chỉ định ông Phạm Văn Tính, chức vụ: Trưởng phòng Khoáng sản là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

### **Điều 5. Hình thức hợp đồng, giá hợp đồng, tạm ứng và phương thức thanh toán**

**1. Hình thức hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói.

#### **2. Giá trị hợp đồng**

Giá trị hợp đồng: **2.821.976.000** đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*). Giá trị hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan, lệ phí và thuế theo quy định.

#### **3. Tạm ứng và phương thức thanh toán**

- Tạm ứng hợp đồng: Không áp dụng.
- Thanh toán: Căn cứ Kế hoạch vốn được giao, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khối lượng công việc hoàn thành của bên B, bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo công đoạn và khối lượng thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Hồ sơ thanh toán gồm:

- + Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng thực hiện;



- + Biên bản nghiệm thu và thanh toán khối lượng thực hiện;
  - + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành;
  - + Hóa đơn tài chính theo quy định;
  - + Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.
- Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định.
- Phương thức và tiến độ thanh toán:
  - + Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
  - + Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
  - + Tiến độ thanh toán: Căn cứ Kế hoạch vốn được giao, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt bên B bàn giao đầy đủ hồ sơ theo quy định, hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành. Bên A thanh toán cho bên B đến 95% giá trị khối lượng thực hiện của hợp đồng đã ký; 5% giá trị còn lại của Hợp đồng được chuyển vào tài khoản tiền gửi của bên A mở tài KBNN Tuyên Quang và thanh toán cho nhà thầu sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nộp trước khi hợp đồng có hiệu lực.
  - Nhà thầu phải thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng với số tiền tương đương 5% giá trị của hợp đồng tương ứng với số tiền là 141.098.800 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu, không trăm chín mươi tám ngàn, tám trăm đồng*).
  - Hình thức đảm bảo thực hiện hợp đồng: Bằng tiền mặt (toàn bộ số tiền này sẽ được Bên A gửi tại ngân hàng thương mại địa phương, mức lãi suất theo quy định hiện hành). Sau khi sản phẩm được nghiệm thu, bàn giao, quyết toán dự án và thanh lý hợp đồng, Bên A sẽ hoàn trả Bên B toàn bộ giá trị mà Bên B đã thực hiện bảo đảm hợp đồng bằng tiền mặt và số tiền lãi suất gửi tại ngân hàng theo quy định.
  - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Có hiệu lực cho đến khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án và hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.
- Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:
- Từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.
  - Vi phạm thỏa thuận hợp đồng.
  - Thực hiện hợp đồng chậm do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 15/12/2023.

#### **Điều 8. Xử lý vi phạm và tranh chấp hợp đồng**

- Việc xử lý tranh chấp hợp đồng theo đúng quy định hiện hành.



- Khi chậm tiến độ do chủ quan của Bên B, hoặc sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cho phép thì Bên A được toàn quyền xử lý. Trường hợp phải đình chỉ thi công, chấm dứt hợp đồng thì Bên B phải hoàn trả toàn bộ số tiền cho Bên A đã thanh toán cho Bên B

#### **Điều 9. Điều khoản chung**

- Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản trong Biên bản thương thảo hợp đồng, bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành.

- Khi có tranh chấp nảy sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên cùng thương lượng hòa giải, lập các văn bản bổ sung trên tinh thần hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau giải quyết công việc. Nếu không giải quyết được thì phán quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì còn chưa rõ, chưa thống nhất thì hai Bên sẽ chủ động thương lượng để giải quyết, khi cần lập phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng. Bản phụ lục hoặc biên bản bổ sung hợp đồng là phần tiếp theo không tách rời của hợp đồng và có giá trị như hợp đồng.

#### **Điều 10. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và bên B hoàn thành việc nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên A.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 12 bộ, chủ đầu tư giữ 08 bộ, nhà thầu giữ 04 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**



**Trần Đình Kiên**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Mạnh Duyệt**



## **ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

*(Kèm theo hợp đồng số 44/2023/HĐTV ký ngày 02/6/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang với Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất)*

### **Điều 1. Định nghĩa**

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại **E-ĐKCT**;
2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;
3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **E-ĐKCT**;
4. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất trong E-HSDT và được Nhà thầu ký hợp đồng để thực hiện dịch vụ liên quan;
5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;
6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);
7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;
8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;
9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;
10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại **E-ĐKCT**;
11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại **E-ĐKCT**;
12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV.

### **Điều 2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên**

1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.
2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:
  - a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
  - b) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
  - c) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;



- d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- đ) E-ĐKCT;
- e) E-ĐKC;
- g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;
- h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
- i) Các tài liệu khác quy định tại **E-ĐKCT**.

### **Điều 3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng**

- 1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.
- 2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

### **Điều 4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng**

1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại **E-ĐKCT**. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.

2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

- a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;
- b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;
- c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;
- d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba



không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.

6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.

#### **Điều 5. Bản quyền**

1. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.

2. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.

#### **Điều 6. Bảo hiểm**

1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.

#### **Điều 7. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT.

#### **Điều 8. Giá hợp đồng**

Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.

#### **Điều 9. Thuế, phí**

Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.

#### **Điều 10. Thanh toán**

Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.

#### **Điều 11. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT.

#### **Điều 12. Điều chỉnh hợp đồng**

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong khoảng thời gian nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.



2. Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được thực hiện trong trường hợp sau đây:

a) Bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của chủ đầu tư và nhà thầu;

b) Thay đổi phạm vi công việc do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.

4. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

### **Điều 13. Nhân sự**

1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.

2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.

3. Nhà thầu được phép đề xuất đẩy nhanh tiến độ thực hiện hợp đồng; Được phép chủ động bố trí nhân sự, máy móc thiết bị đủ năng lực tham gia thực hiện gói thầu đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu**

1. Quyền của nhà thầu:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;

b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;

c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);

d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Điều 10 Chương này.



2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

- a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;
- b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;
- c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);
- d) Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;
- đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;
- e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng.

#### **Điều 15. Nhà thầu phụ**

1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu tại **E-ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại **E-ĐKCT** chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại **E-ĐKCT**.

3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ

4. Nhà thầu không được sử dụng thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT.

5. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **E-ĐKCT**.

#### **Điều 16. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại **E-ĐKCT**.



### **Điều 17. Tạm dừng hợp đồng**

Chủ đầu tư có thể tạm dừng các khoản thanh toán cho Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu tư vấn nhận được thông báo tạm dừng.

### **Điều 18. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu**

1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại **E-ĐKCT**.

2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Khoản 1 Điều này, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

### **Điều 19. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư**

Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại **E-ĐKCT**.

### **Điều 20. Trường hợp bất khả kháng**

1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên



nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này;

b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 21.

#### **Điều 21. Giải quyết tranh chấp**

1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **E-ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong **E-ĐKCT**.

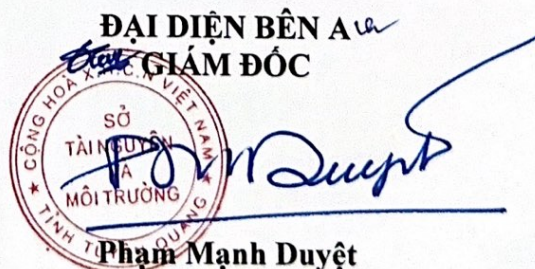
#### **Điều 22. Thông báo**

1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong **E-ĐKCT**.

2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn./.



**Trần Đình Kiên**



**Phạm Mạnh Duyệt**



## ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số 46/2023/HDTV ký ngày 02/6/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang với Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất)

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Kể từ ngày hai bên ký hợp đồng
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không áp dụng.
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không áp dụng.
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
E-ĐKC 8	Giá trị hợp đồng: <b>2.821.976.000</b> đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan, lệ phí và thuế mà nhà thầu phải nộp theo quy định.
E-ĐKC 10	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản</li><li>- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng</li><li>- Tạm ứng hợp đồng: Không áp dụng</li><li>- Thanh toán: Căn cứ Kế hoạch vốn được giao, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khối lượng công việc hoàn thành của bên B, bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo công đoạn và khối lượng thực hiện đảm bảo đúng quy định.</li></ul> Hồ sơ thanh toán gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>+ Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng thực hiện.</li><li>+ Biên bản nghiệm thu và thanh toán khối lượng thực hiện.</li><li>+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.</li><li>+ Hóa đơn tài chính theo quy định;</li><li>+ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.</li><li>+ Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định.</li><li>+ Tiến độ thanh toán: Căn cứ Kế hoạch vốn được giao, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt bên B bàn giao đầy đủ hồ sơ theo quy định, hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành. Bên A thanh toán cho bên B đến 95% giá trị khối lượng thực hiện của hợp đồng đã ký; 5% giá trị còn lại của Hợp đồng được</li></ul>



	chuyển vào tài khoản tiền gửi của bên A mở tại KBNN Tuyên Quang và thanh toán cho nhà thầu sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
<b>E-ĐKC 11</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 15/12/2023.
<b>E-ĐKC 12.1</b>	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 10 ngày
<b>E-ĐKC 13.2</b>	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 05 ngày (kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư)
<b>E-ĐKC 15.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Không
<b>E-ĐKC 15.2</b>	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 15.5</b>	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng
<b>E-ĐKC 16</b>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng:</p> <p>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0.28% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 286.520.874 đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p>
<b>E-ĐKC 18.1</b>	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương.
<b>E-ĐKC 19</b>	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: chậm thanh toán, tạm ứng.
<b>E-ĐKC 21.2</b>	Giải quyết tranh chấp: Thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp: 14 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra tranh chấp. Cơ quan xử lý tranh chấp: Các trung tâm trọng tài kinh tế tại Việt Nam. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp: do hai bên thỏa thuận.
<b>E-ĐKC 22.1</b>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.</p> <p>+ Địa chỉ: Số 429 đường Trường Chinh, phường Ý La, thành phố</p>



Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

+ Điện thoại: 0982379506

+ E-mail: tvhung.tnmt@gmail.com

- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô- Địa Chất.

- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

- VPGD: Nhà A, Trường ĐH Mô - Địa Chất, số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

+ Điện thoại: 0243 755 0428



**PHỤ LỤC A**  
**ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

*(Kèm theo hợp đồng số 2023/HĐTV ký ngày 02/6/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang với Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất)*

**I. Giới thiệu**

**1. Thông tin khái quát về dự án và gói thầu**

- *Tên dự án:* Dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- *Tên gói thầu:* Gói thầu số 01: Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- *Nguồn vốn:* Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Loại hợp đồng:* Hợp đồng trọn gói.

- *Mục đích tuyển chọn nhà thầu:* Nhằm tuyển chọn một đơn vị tư vấn có đủ trình độ, năng lực và kinh nghiệm để thực hiện hoạt động Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

**II. Phạm vi công việc:**

**1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu:**

Thực hiện Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Việc thực hiện khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được thực hiện trên phạm vi và đối tượng cụ thể như sau:

- Về phạm vi: trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (theo huyện, tỉnh và lưu vực sông);

- Về đối tượng: các khu vực thuộc tiêu chí khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Với các nội dung công việc như sau:

2.1. Thu thập các thông tin, dữ liệu trên địa bàn toàn tỉnh, phối hợp với các Sở, ngành và các địa phương cung cấp các số liệu đang quản lý cần đưa vào khoanh



định vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, bao gồm các Sở: Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và PTNN, Công Thương, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Xây dựng, Thông tin và truyền thông,...06 huyện và 01 thành phố.

2.2. Điều tra, thu thập tài liệu, xác định vị trí, địa danh, diện tích khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản với khối lượng 1.714 (*khu vực, tuyến đường giao thông đến cấp Tỉnh lộ, xã, điểm*); trong đó, đã bao gồm 30 khu vực đã được phê duyệt theo Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể được tổng hợp theo bảng sau:

STT	Danh mục	Khối lượng	Ghi chú
1	Khu vực không cấp phép hoạt động khoáng sản theo Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh	91	Khu vực
2	Theo kết quả rà soát khu vực có sạt lở bờ sông năm 2020	10	Khu vực
3	Di tích, danh lam thắng cảnh	639	Khu vực
4	Đường giao thông	13	Tuyến đường đến cấp Tỉnh lộ
5	Sở Nông nghiệp:		
	Sạt lở bờ sông	30	Khu vực
	Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	94	xã
6	Hồ, đập chứa nước thủy lợi lớn, vừa, nhỏ	408	Khu vực
7	Cơ sở tôn giáo	166	Khu vực
8	Khu, cụm công nghiệp	7	Khu vực
9	Mốc ĐCCS cấp III	256	Điểm
	<b>Tổng</b>	<b>1.714</b>	



Đo điểm các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản với khối lượng điểm đo 2.030 điểm; lập phiếu khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (phiếu tư liệu) 1.607 phiếu.

### 2.3. Công tác văn phòng tổng hợp

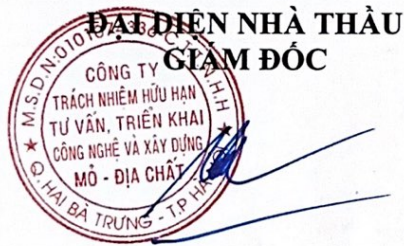
- Thành lập báo cáo thuyết minh các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (có các nội dung chính: căn cứ pháp lý, tài liệu; kết quả khoan định...).

- Số hóa bản đồ tỷ lệ 1:100.000 toàn tỉnh; bản đồ tỷ lệ 1:25.000 của 06 huyện, 01 thành phố.

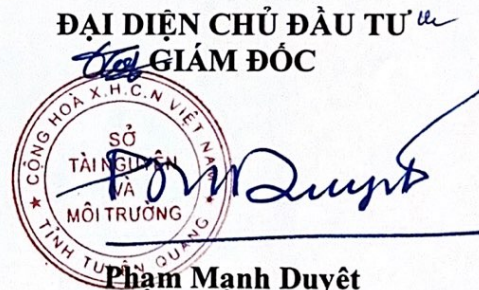
- Các phụ lục: Phiếu hồ sơ (phiếu tư liệu, dữ liệu đơn vị) cho các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Các USB (hoặc đĩa CD) lưu giữ tài liệu của dự án.

2.4. Báo cáo tổng kết toàn dự án: Khoan định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (10 bộ)./.



**Trần Đình Kiên**



**Phạm Mạnh Duyệt**



## PHỤ LỤC B: PHẦN I – DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Kèm theo Hợp đồng số 46/2023/HĐTV ngày 02/6/2023

giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Môi trường và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất)

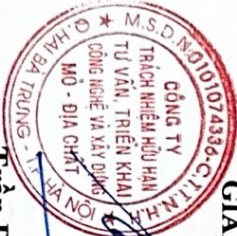
STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng, tỷ lệ	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Chi phí trực tiếp (1+2+3)				1.959.888.699	
1	Đo điểm công trình thứ yếu và đưa vào bản đồ (nhóm II, khó khăn loại II)	điểm	2.030		1.109.316.403	
1.1	Khu vực có điều kiện KT-XH khó khăn		1.498		781.196.390	
	Khu vực hệ số 0.2		1068	517.075	552.236.100	
	Khu vực hệ số 0.3		340	529.802	180.132.680	
	Khu vực hệ số 0.4		90	542.529	48.827.610	
	Khu vực hệ số 0.5			555.257	0	
1.2	Khu vực có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn		532		328.120.013	
	Khu vực hệ số 0.2		9	593.039	5.337.351	
	Khu vực hệ số 0.3		227	605.762	137.507.974	
	Khu vực hệ số 0.4		123	618.489	76.074.147	
	Khu vực hệ số 0.5		173	631.217	109.200.541	
2	Số hoá bản đồ chuyên ngành địa chất tỷ lệ 1: 25.000, 6 huyện và 1 thành phố (Phức tạp loại II); 01 tờ tỷ lệ 100.000 toàn tỉnh.	mảnh bản đồ	8	49.809.172,4	398.473.379	
3	Phiếu khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Phiếu tư liệu đơn vị)	phiếu	1.607	281.331	452.098.917	
II	Chi phí quản lý chung				450.124.837	
1	Đo điểm công trình thứ yếu và đưa vào bản đồ	%	25	1.109.316.403	277.329.101	



STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng, tỷ lệ	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	(nhóm II, khó khăn loại II)					
2	Số hoá bản đồ chuyên ngành địa chất tỷ lệ 1: 25.000, 6 huyện và 1 thành phố (Phức tạp loại II): 01 tờ tỷ lệ 100.000 toàn tỉnh	%	15	398.473.379	59.771.007	
3	Phiếu khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Phiếu tư liệu đơn vị)	%	25	452.098.917	113.024.729	
III	<b>Tổng kết báo cáo</b>	%	7,93	<b>1.959.888.699</b>	<b>155.419.174</b>	
IV	<b>CHI PHÍ (I+II+III)</b>				<b>2.565.432.710</b>	
V	Thuế VAT 10%	%	10		256.543.271	
VI	<b>TỔNG CHI PHÍ SAU THUẾ VAT (IV+V)</b>				<b>2.821.975.981</b>	
	<b>Làm tròn số:</b>				<b>2.821.976.000</b>	

Bảng chữ: Hai tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**



*(Signature)*  
**Trần Đình Kiên**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**GIÁM ĐỐC**



*(Signature)*  
**Phạm Mạnh Duyệt**



**Phụ lục C**  
**TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN**

(Kèm theo hợp đồng số 6/2023/HĐTV ký ngày 02/6/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang với Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất)

**I. Nội dung báo cáo tình hình thực hiện:**

Báo cáo	Ngày đến hạn
<i>1. Báo cáo tình hình thực hiện</i>	
- Báo cáo lần 1: 02/7/2023	Sau 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Nội dung: Tiến độ triển khai thực hiện, kết quả thực hiện.
- Báo cáo lần 2: 31/8	Sau 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Nội dung: Tiến độ triển khai thực hiện, kết quả thực hiện.
- Báo cáo lần 3:	Sau 197 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Nội dung: Báo cáo tổng kết dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
<i>2. Báo cáo đột xuất</i>	Khi có vướng mắc, yếu tố mới phát sinh hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện

**II. Tiến độ công tác thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện dự án theo bảng sau:**

TT	Nội dung thực hiện	Các tháng của năm 2023						
		6	7	8	9	10	11	12
1	Thu thập các thông tin, dữ liệu trên địa bàn toàn tỉnh, phối hợp với các Sở, ngành và các địa phương cung cấp các số liệu đang quản lý cần đưa vào khoanh định vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	—						
2	Điều tra, thu thập tài liệu, xác định vị trí, địa danh, diện tích khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản		—					
3	Đo điểm các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản		—					
4	Lập phiếu khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản		—					

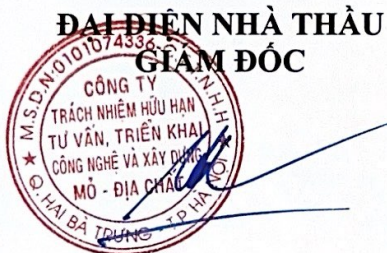


5	Thành lập báo cáo thuyết minh các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản							
---	--	--	--	--	--	--	--	--

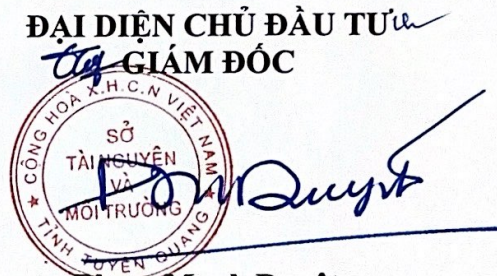
### III. Sản phẩm hợp đồng

Sản phẩm giao nộp: 07 bộ gồm:

- Báo cáo thuyết minh kết quả thực hiện dự án “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.
- Bộ bản đồ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: 01 Bản đồ toàn tỉnh, tỷ lệ 1:100.000; 07 Bản đồ cấp huyện, tỷ lệ 1:25.000.
- Các phụ lục: Phiếu hồ sơ (*phiếu tư liệu, dữ liệu đơn vị*) cho các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
- Các USB (hoặc đĩa CD) lưu giữ tài liệu của dự án.



**Trần Đình Kiên**



**Phạm Mạnh Duyệt**



Mẫu số 08a  
Mã hiệu:  
Số: 01

## BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

*(Áp dụng đối với các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)*

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường Tuyên Quang
- Mã đơn vị: 1010286  
Mã nguồn: 12
- Mã CTMTQG, Dự án ODA:
- Căn cứ Hợp đồng số 46/2023/HĐTV ký ngày 02/6/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô-Địa Chất; Giá trị hợp đồng: 2.821.976.000 đồng
- Căn cứ Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm ngày 14/12/2023 giữa Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang, Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô-Địa Chất

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí trực tiếp				1.959.888.699
1	Đo điểm công trình thứ yếu và đưa vào bản đồ (nhóm II, khó khăn loại II)	điểm	2.030		1.109.316.403
1.1	Khu vực có điều kiện KT-XH khó khăn	điểm	1.498		781.196.390
	Khu vực hệ số 0.2	điểm	1.068	517.075	552.236.100
	Khu vực hệ số 0.3	điểm	340	529.802	180.132.680
	Khu vực hệ số 0.4	điểm	90	542.529	48.827.610
1.2	Khu vực có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn	điểm	532		328.120.013



	Khu vực hệ số 0.2	điểm	9	593.039	5.337.351
	Khu vực hệ số 0.3	điểm	227	605.762	137.507.974
	Khu vực hệ số 0.4	điểm	123	618.489	76.074.147
	Khu vực hệ số 0.5	điểm	173	631.217	109.200.541
2	Số hoá bản đồ chuyên ngành địa chất tỷ lệ 1: 25.000, 6 huyện và 1 thành phố (Phức tạp loại II); 01 tờ tỷ lệ 100.000 toàn tỉnh.	mảnh bản đồ	8	49.809.172	398.473.379
3	Phiếu khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Phiếu tư liệu đơn vị)	phiếu	1607	281.331	452.098.917
II	Chi phí quản lý chung				450.124.837
1	Đo điểm công trình thứ yếu và đưa vào bản đồ (nhóm II, khó khăn loại II)	%	25	1.109.316.403	277.329.101
2	Số hoá bản đồ chuyên ngành địa chất tỷ lệ 1: 25.000, 6 huyện và 1 thành phố (Phức tạp loại II); 01 tờ tỷ lệ 100.000 toàn tỉnh	%	15	398.473.379	59.771.007
3	Phiếu khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Phiếu tư liệu đơn vị)	%	25	452.098.917	113.024.729
III	Tổng kết báo cáo	%	7,93%	1.959.888.699	155.419.174
IV	TỔNG CHI PHÍ (I+II+III)				2.565.432.710
V	Thuế VAT (áp dụng theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội)	%	8%		205.234.617
VI	TỔNG CHI PHÍ SAU THUẾ (IV+V)				2.770.667.327



- 6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: 0 đồng
- Thanh toán tạm ứng: 0 đồng      - Thanh toán trực tiếp: 0 đồng
- 7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước: 0 đồng
- 8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: **823.921.597 đồng**
- Thanh toán tạm ứng: 0 đồng      - Thanh toán trực tiếp: **823.921.597 đồng**

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

**ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP**

**HÀNG HÒA DỊCH VỤ**  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
TƯ VẤN, TRIỂN KHAI  
CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG  
MỎ - ĐỊA CHẤT  
HÀ BÀ TRÙNG  
TP. HÀ NỘI

**Trần Đình Kiên**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG**

**NGÂN SÁCH**  
SỞ  
TÀI CHÍNH VÀ  
KẾ TOÁN  
MỎ TRÙNG  
TP. HÀ NỘI

**Phạm Mạnh Duyệt**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM**  
**Gói thầu số 01: Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm,**  
**tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”**

**Thuộc dự án: “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động**  
**khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”**

**Địa điểm thực hiện:** Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Hôm nay ngày 14/12/2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, chúng tôi gồm:

**I. Bên giao thầu:** Ban quản lý dự án “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang

1. Ông: Phạm Mạnh Duyệt - Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường;
2. Ông: Phạm Văn Tính - Chức vụ: Trưởng phòng Khoáng sản; Phó Giám đốc – Ban quản lý dự án;
3. Ông: Trần Vũ Hưng - Chức vụ: Chánh Văn phòng Sở; Thành viên – Ban quản lý dự án.

**II. Đại diện đơn vị kiểm tra, nghiệm thu:** Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

1. Ông. Doãn Hà Phong - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm;
2. Bà. Phùng Thị Thu Trang - Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm.

**III. Nhà thầu:** Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô- Địa Chất

1. Ông. Trần Đình Kiên - Chức vụ: Giám đốc Công ty;
2. Bà. Nguyễn Thị Lan - Chức vụ: Kế toán trưởng.

- Căn cứ Hợp đồng số 46/2023/HĐTV ngày 02/06/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô- Địa Chất về việc thực hiện gói thầu số 01: “Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” thuộc Dự án: “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”. Hợp đồng số 36/2023/HĐKT ngày 27/09/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc thực hiện gói thầu số 02:



“Tur vắn kiểm tra, nghiệm thu Dự án: “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”;

- Căn cứ Văn bản số 116 /BCKT-TTMT ngày 08/12/2023 về kết quả kiểm tra hồ sơ, chất lượng sản phẩm dự án “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” và Báo cáo số 128/BCKT-TTMT ngày 08/12/2023 Báo cáo kiểm tra hồ sơ, chất lượng sản phẩm của Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm dự án: “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”;

Sau khi kiểm tra kết quả thực hiện Gói thầu số 01: “Tur vắn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”. Các bên thống nhất xác nhận khối lượng thực hiện, như sau:

**1. Khối lượng Công ty TNHH tư vắn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất đã thực hiện**

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Chất lượng
			Theo hợp đồng	Thực hiện kỳ này	Kiểm tra nghiệm thu	
I	<b>BÁO CÁO TIẾN ĐỘ</b>					
1	Báo cáo lần 1: ngày 02/07/2023	Báo cáo	01	01	01	Đã có
2	Báo cáo lần 2: ngày 31/8/2023	Báo cáo	01	01	01	Đã có
3	Báo cáo đột xuất	Báo cáo	01	01	01	Đã có
II	<b>ĐIỀU TRA, THU THẬP TÀI LIỆU, XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ, ĐỊA DANH, DIỆN TÍCH KHU VỰC CẤM VÀ TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG</b>					
TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Theo hợp đồng	Thực hiện kỳ này	Kiểm tra nghiệm thu	Chất lượng
1	Khu vực không cấp phép hoạt động khoáng sản theo Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Khu vực	91	91	91	Đạt yêu cầu



2	Theo kết quả rà soát khu vực có sạt lở bờ sông năm 2020	Khu vực	10	10	10	Đạt yêu cầu
3	Di tích, danh lam thắng cảnh	Khu vực	639	660	660	Đạt yêu cầu
4	Đường giao thông	Tuyến đường đến cấp Tỉnh lộ	13	14	14	Đạt yêu cầu
5	Sở Nông nghiệp:					
-	Sạt lở bờ sông	Khu vực	30	30	30	Đạt yêu cầu
-	Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	xã	94	95	95	Đạt yêu cầu
6	Hồ, đập chứa nước thủy lợi lớn, vừa, nhỏ	Khu vực	408	584	584	Đạt yêu cầu
7	Cơ sở tôn giáo	Khu vực	166	166	166	Đạt yêu cầu
8	Khu, cụm công nghiệp	Khu vực	7	7	7	Đạt yêu cầu
9	Mốc ĐCCS cấp III	Điểm	256	256	256	Đạt yêu cầu
	<b>Tổng</b>		<b>1,714</b>	<b>1,822</b>	<b>1,822</b>	
<b>III</b>	<b>KHỐI LƯỢNG ĐIỂM ĐO CÔNG TRÌNH THỨ YẾU</b>					
<b>TT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Theo hợp đồng</b>	<b>Thực hiện kỳ này</b>	<b>Kiểm tra nghiệm thu</b>	<b>Chất lượng</b>
1	Di tích, danh lam thắng cảnh	Khu vực	639	660	639	Đạt yêu cầu
2	Hồ, đập chứa nước thủy lợi lớn, vừa, nhỏ	Khu vực	408	584	408	Đạt yêu cầu
3	Mốc ĐCCS cấp III	Điểm	256	256	266	Đạt yêu cầu



4	Khu, cụm công nghiệp	Khu vực	7	7	7	Đạt yêu cầu
5	Cơ sở tôn giáo	Khu vực	166	166	166	Đạt yêu cầu
6	Khu vực không cấp phép hoạt động khoáng sản; sạt lở bờ sông	Khu vực	524	524	524	Đạt yêu cầu
<b>TỔNG</b>			<b>2.030</b>	<b>2.197</b>	<b>2.030</b>	
<b>IV</b>	<b>PHIẾU TƯ LIỆU, DỮ LIỆU ĐƠN VỊ</b>					
<b>TT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Theo hợp đồng</b>	<b>Thực hiện kỳ này</b>	<b>Kiểm tra nghiệm thu</b>	<b>Chất lượng</b>
1	Phiếu khu vực cấm hoạt động khoáng sản phiếu khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Phiếu	1.607	1.822	1.607	Đạt yêu cầu
2	Phiếu phát sinh sau khi tham vấn ý kiến của Sở ban ngành			215		Không tính khối lượng vượt
<b>Tổng</b>			<b>1.607</b>	<b>1.607</b>	<b>1.607</b>	
<b>V</b>	<b>SỐ HOÁ BẢN ĐỒ CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHẤT TOÀN TỈNH</b>					
<b>TT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Theo hợp đồng</b>	<b>Thực hiện kỳ này</b>	<b>Kiểm tra nghiệm thu</b>	<b>Chất lượng</b>
1	Bản đồ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; tỷ lệ 1:100.000	Bản đồ	01	01	01	Đạt yêu cầu
2	Bản đồ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; tỷ lệ 1:25.000.	Bản đồ	01	01	01	Đạt yêu cầu



3	Bản đồ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; tỷ lệ 1:25.000.	Bản đồ	01	01	01	Đạt yêu cầu
4	Bản đồ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; tỷ lệ 1:25.000.	Bản đồ	01	01	01	Đạt yêu cầu
5	Bản đồ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; tỷ lệ 1:25.000	Bản đồ	01	01	01	Đạt yêu cầu
6	Bản đồ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; tỷ lệ 1:25.000.	Bản đồ	01	01	01	Đạt yêu cầu
7	Bản đồ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang; tỷ lệ 1:25.000	Bản đồ	01	01	01	Đạt yêu cầu
8	Bản đồ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; tỷ lệ 1:25.000	Bản đồ	01	01	01	Đạt yêu cầu
	<b>Tổng</b>		<b>08</b>	<b>08</b>	<b>08</b>	
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TỔNG KẾT</b>					
1	Thuyết minh báo cáo	Báo cáo	01	01	01	Đạt yêu cầu
2	Các USB (hoặc đĩa CD) lưu giữ tài liệu của dự án	USB	-	02	02	Đạt yêu cầu

## 2. Chất lượng sản phẩm

Chất lượng, tiến độ các hạng mục công việc của gói thầu đã thực hiện đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết (kết quả thực hiện được Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu thẩm định tại Văn bản số 116/BCKT-TTMT và Báo cáo số 128/BCKT-TTMT ngày 08/12/2023).



### 3. Các ý kiến khác

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Không có ý kiến.

- Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất: Cam kết đồng hành cùng Sở Tài nguyên và Môi trường đến khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu: Không có ý kiến.

### 4. Kết luận

Chấp thuận nghiệm thu khối lượng của Gói thầu số 01: “Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” thuộc dự án: “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” như nội dung tại mục 1.

Biên bản này được thành lập 12 bản có giá trị như nhau, bên giao thầu giữ 08 bản; bên nhận thầu giữ 02 bản; đơn vị kiểm tra, nghiệm thu giữ 02 bản để làm cơ sở thanh toán Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 46/2023/HĐTV ngày 02/06/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất về việc thực hiện gói thầu số 01: “Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” thuộc Dự án “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”./.

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU  
GIÁM ĐỐC**



**Trần Đình Kiên**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM  
TRA, NGHIỆM THU  
GIÁM ĐỐC**



**Doãn Hà Phong**

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU  
GIÁM ĐỐC**



**Phạm Mạnh Duyệt**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN**  
**Gói thầu số 01: “Tur vắn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời**  
**cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”**

Căn cứ Hợp đồng số 46/2023/HDTV ngày 02/06/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất về việc thực hiện gói thầu số 01: “Tur vắn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” thuộc Dự án “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”;

Căn cứ Văn bản số 116 /BCKT-TTMT và Báo cáo số 128 /BCKT-TTMT ngày 08/12/2023 của Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc báo cáo kiểm tra hồ sơ, chất lượng sản phẩm Dự án: “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm gói thầu số 01: “Tur vắn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” thuộc Dự án “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” ngày 14/12/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang (*Chủ đầu tư*), Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (*đơn vị kiểm tra, nghiệm thu*) và Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất (*đơn vị thi công gói thầu số 01*);

Hôm nay, ngày 28/12/2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, chúng tôi gồm:

**1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu- Bên A):** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang

1. Ông Phạm Mạnh Duyệt - Chức vụ: Giám đốc Sở;
2. Ông Phạm Văn Tính - Chức vụ: Trưởng phòng Khoáng sản;
3. Ông Trần Vũ Hưng - Chức vụ: Chánh Văn phòng sở.

- Địa chỉ: số 429 đường Trường Chinh, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Điện thoại : 02073.980.516 Fax : 0207.3822138

- Mã số thuế: 5000227634

- Tài khoản: 9527.2.1010286 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang

**2. Nhà thầu (Bên B):** Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất

1. Ông Trần Đình Kiên - Chức vụ: Giám đốc;



2. Ông Lê Trọng Thắng

- Chức vụ: Phó Giám đốc;

3. Bà Nguyễn Thị Lan

- Chức vụ: Kế toán trưởng.

- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- VPGD: Nhà A, Trường ĐH Mỏ - Địa Chất, số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243 755 0428

- Mã số thuế: 0101074336

- Tài khoản: 111000037499, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long, Hà Nội.

### 1. Nghiệm thu khối lượng thực hiện

Các bên thống nhất nghiệm thu khối lượng thực hiện Gói thầu số 01: “Tư vấn thực hiện dự án Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” thuộc Dự án “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”, như sau:

ST T	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá thực hiện	Thành tiền (đồng)
I	<b>Chi phí trực tiếp (1+...3)</b>				<b>1.959.888.699</b>
1	<i>Đo điểm công trình thứ yếu và đưa vào bản đồ (nhóm II, khó khăn loại II)</i>	<i>điểm</i>	2.030		<b>1.109.316.403</b>
1.1	<i>Khu vực có điều kiện KT-XH khó khăn</i>		1.498		<b>781.196.390</b>
	<i>Khu vực hệ số 0.2</i>		1.068	517.075	552.236.100
	<i>Khu vực hệ số 0.3</i>		340	529.802	180.132.680
	<i>Khu vực hệ số 0.4</i>		90	542.529	48.827.610
	<i>Khu vực hệ số 0.5</i>			555.257	
1.2	<i>Khu vực có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn</i>		532		<b>328.120.013</b>
	<i>Khu vực hệ số 0.2</i>		9	593.039	5.337.351
	<i>Khu vực hệ số 0.3</i>		227	605.762	137.507.974
	<i>Khu vực hệ số 0.4</i>		123	618.489	76.074.147
	<i>Khu vực hệ số 0.5</i>		173	631.217	109.200.541
2	<i>Số hoá bản đồ chuyên ngành địa chất tỷ lệ 1: 25.000, 6 huyện và 1 thành phố (Phức tạp loại II); 01 tờ tỷ lệ 100.000 toàn tỉnh.</i>	<i>mảnh bản đồ</i>	8	49.809.172	<b>398.473.379</b>
3	<i>Phiếu khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Phiếu tư liệu đơn vị)</i>	<i>phiếu</i>	1607	281.331	<b>452.098.917</b>



<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý chung</b>				<b>450.124.837</b>
1	Đo điểm công trình thứ yếu và đưa vào bản đồ (nhóm II, khó khăn loại II)	%	25	1.109.316.403	277.329.101
2	Số hoá bản đồ chuyên ngành địa chất tỷ lệ 1: 25.000, 6 huyện và 1 thành phố (Phức tạp loại II); 01 tờ tỷ lệ 100.000 toàn tỉnh	%	15	398.473.379	59.771.007
3	Phiếu khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Phiếu tư liệu đơn vị)	%	25	452.098.917	113.024.729
<b>c</b>	<b>Tổng kết báo cáo</b>	%	7.93%	1.959.888.699	<b>155.419.174</b>
<b>III</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ (I+II)</b>				<b>2.565.432.710</b>
<b>IV</b>	<b>Thuế VAT (áp dụng theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội)</b>	%	8%		<b>205.234.617</b>
<b>V</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ SAU THUẾ (III+IV)</b>				<b>2.770.667.327</b>

(Bảng chữ: Hai tỉ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng).

2. Bên A xác nhận khối lượng đã hoàn thành đáp ứng theo yêu cầu của Đề cương nhiệm vụ phê duyệt và Hợp đồng số 46/2023/HĐTV ngày 02/06/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất.

Theo khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng số 46/2023/HĐTV, tiến độ thanh toán: Căn cứ Kế hoạch vốn được giao, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt bên B bàn giao đầy đủ hồ sơ theo quy định, hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành. Bên A thanh toán cho bên B đến 95% giá trị khối lượng thực hiện của hợp đồng đã ký; 5% giá trị còn lại của Hợp đồng được chuyển vào tài khoản tiền gửi của bên A mở tài KBNN Tuyên Quang và thanh toán cho nhà thầu sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hiện tại Chủ đầu tư được cấp ngân sách đến 31/12/2023 là **823.921.597** đồng phục vụ cho Dự án. Do đó hai bên xác nhận khối lượng hoàn thành và thanh toán như trên.

3. Bên A thanh toán cho bên B (lần thứ nhất) số tiền là: **823.921.597** đồng  
(Bảng chữ: Tám trăm hai mươi ba triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, năm trăm chín mươi bảy đồng).

Số tiền còn lại bên A sẽ thanh toán cho bên B sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



Biên bản được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị pháp lý như nhau. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang giữ 06 (sáu) bản; Công ty TNHH tư vấn, triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa Chất giữ 04 (bốn) bản làm căn cứ quyết toán và thanh lý hợp đồng sau này./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ  
GIÁM ĐỐC**



**Phạm Mạnh Duyệt**

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
GIÁM ĐỐC**



**Trần Đình Kiên**